

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0672014-8 - Cơ lý thuyết 1

STC : 2(30,0,0,0,0,0)

Lần thi : 1

Lớp :

Năm học : 2013-2014

Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Nguyễn Thị Ái	Vân	3571010184	04/02/1992	9,00	9,50	9,40	
2	Lê Xuân	Thông	3671030163	01/01/1994	,00	,00	,00	Nợ HP
3	Nguyễn Thế	Chiến	3671030243	28/02/1993	7,00	6,00	6,30	
4	Lê Anh	Vĩ	3671030260	14/07/1994	6,00	6,00	6,00	
5	Lê Minh	Nhật	3671030263	22/08/1994	7,00	2,30	3,70	
6	Võ Hoàng Anh	Thư	3671030378	04/02/1994	10,00	9,50	9,70	
7	Võ Hoài	Duy	3671030425	20/11/1994	9,00	6,50	7,30	
8	Nguyễn Văn	Phát	3671030735	10/08/1994	,00	,00	,00	CT
9	Nguyễn Thành	Trung	3671030742	21/03/1994	4,00	5,50	5,10	
10	Võ Văn	Mến	3671030756	06/10/1994	7,00	9,00	8,40	
11	Nguyễn Văn	Cầu	3671030781	11/06/1994	6,00	7,00	6,70	
12	Lê Bá	Cường	3671030784	01/07/1994	9,00	10,00	9,70	
13	Lê Xuân	Hiếu	3671030786	09/02/1992	,00	,00	,00	Nợ HP
14	Trần Văn	Thịnh	3671030870	25/01/1994	,00	,00	,00	Nợ HP
15	Nguyễn Khắc Nguyên	Khang	3671031154	14/03/1993	7,00	3,30	4,40	
16	Nguyễn Sĩ	Tuấn	3671031261	10/11/1994	,00	,00	,00	CT
17	Nguyễn Đăng	Hải	3671031549	12/03/1993	7,00	6,00	6,30	
18	Nguyễn Ngọc	Quyền	3671031595	30/08/1993	,00	,00	,00	Nợ HP
19	Lâm Văn	Huy	3671031611	25/06/1994	,00	,00	,00	Nợ HP
20	Trương Nguyễn Đức	Vinh	3671040041	12/07/1993	,00	,00	,00	Nợ HP
21	Đào Nguyên	Cát	3671040058	28/08/1994	9,00	9,00	9,00	
22	Trương Hoàn	Lâm	3671040087	02/09/1994	9,00	8,00	8,30	
23	Nguyễn Trung	Kiên	3671040178	20/10/1994	9,00	8,00	8,30	
24	Ngô Văn	Hai	3671040180	24/01/1994	7,00	10,00	9,10	
25	Nguyễn Văn	Điện	3671040428	25/03/1993	9,00	10,00	9,70	
26	Nguyễn Việt	An	3671040452	30/05/1993	,00	,00	,00	Nợ HP
27	Nguyễn Đức	Mạnh	3671040465	15/04/1992	4,00	,00	1,20	
28	Trần Đình	Hiếu	3671040501	15/07/1994	7,00	5,00	5,60	
29	Đào Gia	Bảo	3671040641	26/07/1994	4,00	8,00	6,80	
30	Nguyễn Xuân	Diệu	3671040965	20/04/1994	,00	,00	,00	Nợ HP
31	Bùi Duy	Khánh	3671040997	23/07/1994	,00	,00	,00	CT
32	Ngô Minh	Quang	3671041053	25/02/1993	6,00	9,00	8,10	
33	Lê Văn	Phú	3671041073	14/08/1994	,00	,00	,00	CT
34	Bùi Tuấn	Kiệt	3671041079	07/11/1994	9,00	8,00	8,30	
35	Nguyễn Hữu	Cảnh	3671041110	07/10/1994	7,00	8,00	7,70	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Lê Chiến	Thắng	3671041180	26/11/1994	,00	,00	,00	CT
37	Nguyễn Đức	Tuấn	3671041205	10/07/1993	,00	,00	,00	CT
38	Trần Đức	Khánh	3671041460	10/05/1994	9,00	7,50	8,00	
39	Bà Anh Tuấn	Kiệt	3671041493	04/10/1991	,00	,00	,00	CT
40	Nguyễn Hùng Gia	Uy	3671041574	22/11/1994	7,00	,80	2,70	
41	Nguyễn Công	Thành	3671041616	23/11/1993	,00	,00	,00	CT
42	Lê Quốc	Thịnh	3671041622	26/12/1994	3,00	5,50	4,80	
43	Hoàng	Đạt	3671041659	25/09/1993	6,00	,00	1,80	
44	Huỳnh Quang	Hiếu	3671041673	23/04/1994	4,00	,00	1,20	
45	Dương Ngọc	Tiến	3671041830	16/10/1994	7,00	6,50	6,70	
46	Trương Đình Bảo	Duy	3671041835	05/10/1994	5,00	,00	1,50	
47	Vương Huỳnh	Triều	3671041837	13/12/1994	5,00	7,00	6,40	
48	Tô Minh	Quý	3671041885	07/12/1994	6,00	7,50	7,10	
49	Lê Văn	Khanh	3671041888	12/07/1993	8,00	3,00	4,50	
50	Trần Khải	Cường	3671041895	21/05/1993	6,00	6,00	6,00	
51	Nguyễn Phước	Huy	3671041926	16/05/1994	3,00	4,00	3,70	
52	Hoàng Minh	Hải	3671041932	12/04/1994	5,00	,00	1,50	
53	Nguyễn Đức	Linh	3671041948	18/03/1994	3,00	2,00	2,30	
54	Nguyễn Thành	Hiếu	3671041971	11/10/1992	7,00	,00	2,10	
55	Nguyễn Hữu	Cơ	3671041981	20/04/1994	6,00	9,50	8,50	
56	Nguyễn Văn	Sinh	3671041998	25/09/1994	6,00	,00	1,80	
57	Trần Xuân	Dương	3671042018	08/02/1993	,00	,00	,00	Nợ HP
58	Nguyễn Hồng	Sơn	3671042032	16/10/1992	,00	,00	,00	CT
59	Xành Phối	Linh	3671042045	10/11/1993	,00	,00	,00	Nợ HP
60	Lê Đức	Trọng	3672050003	20/10/1994	6,00	5,50	5,70	
61	Phạm Văn	Tin	3672050010	17/10/1994	8,00	9,50	9,10	
62	Võ Lê Công	Hiếu	3672050015	01/12/1993	,00	,00	,00	Nợ HP
63	Mạc Xuân	Hạnh	3672050023	27/04/1994	7,00	4,00	4,90	
64	Lê Đức	Huy	3672050034	04/03/1994	,00	,00	,00	CT
65	Trịnh Văn	Tiền	3672050045	06/02/1993	6,00	4,50	5,00	
66	Nguyễn Minh	Khang	3672050047	27/03/1994	5,00	4,00	4,30	
67	Nguyễn Trung	Trúc	3672050050	18/12/1994	7,00	9,00	8,40	
68	Đỗ Nguyễn Anh	Phong	3672050062	11/06/1994	6,00	7,50	7,10	
69	Phạm Việt	Việt	3672050094	12/09/1993	3,00	8,50	6,90	
70	Phạm Tuấn	Đạt	3672050129	03/10/1994	,00	,00	,00	Nợ HP
71	Nguyễn Bình	Chí	3672050139	23/11/1994	7,00	6,00	6,30	
72	Nguyễn Thành	Vũ	3672050155	26/08/1994	10,00	9,00	9,30	
73	Nguyễn Văn	Cảm	3672050171	09/03/1994	5,00	9,00	7,80	
74	Nguyễn Văn	Nhật	3672050264	15/03/1993	10,00	9,00	9,30	
75	Hồ Đức	Anh	3672050302	10/06/1993	6,00	6,00	6,00	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
76	Lê Văn	Quốc	3672050317	31/12/1994	7,00	9,50	8,80	
77	Nguyễn Đình Hoài	Vũ	3672050328	04/02/1994	7,00	8,00	7,70	
78	Lê Công	Tồn	3672050723	15/01/1994	,00	,00	,00	Nợ HP
79	Lê Vũ Anh	Duy	3672050996	30/11/1994	8,00	2,00	3,80	
80	Lê Quốc	Khải	3672051097	01/09/1994	,00	,00	,00	CT
81	Nguyễn Thái Duy	Thức	3672051198	16/06/1994	8,00	6,50	7,00	
82	Nguyễn Quốc	Thống	3672051226	03/03/1993	,00	,00	,00	Nợ HP
83	Huỳnh Tấn	Phát	3672051491	15/08/1993	,00	,00	,00	CT
84	Nguyễn Văn	Sáu	3672051503	20/08/1994	4,00	9,50	7,90	
85	Nguyễn Hoàng	Sơn	3672051607	16/08/1994	9,00	5,50	6,60	
86	Phạm Quốc	Vương	3672051663	03/12/1994	9,00	8,00	8,30	
87	Trần Thanh	Đạt	3672051664	13/07/1994	7,00	3,50	4,60	
88	Phạm Ngọc	Quế	3672051672	23/09/1994	8,00	10,00	9,40	
89	Phạm Hữu	Tĩnh	3672051827	22/07/1993	9,00	8,50	8,70	
90	Đoàn Văn	Thành	3672051868	05/08/1993	7,00	7,00	7,00	
91	Lê Hoàng Diễm	Châu	3672051872	10/11/1994	6,00	,00	1,80	
92	Trương Minh	Tâm	3672051922	09/09/1994	6,00	7,50	7,10	
93	Trần	Phương	3672052038	09/04/1993	5,00	2,50	3,30	

Tổng số : SV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 01 năm 2014

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)